

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ ĐÔNG HÒA  
TỈNH PHÚ YÊN**

Bản án số: **07/2021/HS-ST.**

Ngày: 05-3-2021.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Duyên.

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Lê Thanh Khánh.
2. Ông Nguyễn Bảo Toàn.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Huỳnh Tứ - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:*** Ông Dương Thanh Nhuận - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2021/TLST-HS, ngày 06 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2021/HPT-QĐ ngày 05/02/2021 đối với các bị cáo:

**1. Lê Trường S** (Tên gọi khác: S lế), sinh ngày 08 tháng 5 năm 1987, tại tỉnh Phú Yên; nơi đăng ký thường trú và cư trú: khu phố P3, phường HHT, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Đ, sinh năm 1957 và bà Bùi Thị Th, sinh năm 1960; vợ: Phạm Thị Bích N, sinh năm 1989; con: không; anh, chị, em ruột: có 05 người, bị cáo là con thứ 4; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên tuyên bố bị cáo Lê Trường S không phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự và đình chỉ vụ án đối với bị cáo Lê Trường S do chuyển biến tình hình, thay đổi

chính sách tại Bản án hình sự phúc thẩm số 98/2009/HSPT ngày 12/8/2009 - không bị xử phạt hành chính; bị Công an thị xã Đ, tỉnh Phú Yên xử phạt hành chính về “Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy” theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 0000289/QĐ-XPHC ngày 02/12/2020, phạt tiền 750.000 đồng – đã chấp hành xong ttheo Biên lai thu số 0000011 ngày 13/01/2021.

Bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**2. Nguyễn Hữu H**, sinh ngày 02 tháng 4 năm 1988, tại tỉnh Phú Yên; nơi đăng ký thường trú và cư trú: khu phố P3, phường HHT, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu H1 (chết) và bà Lương Thị H3, sinh năm 1966; vợ, con: không; anh, chị, em ruột: có 03 người, bị cáo là con út; tiền án, tiền sự: không.

NH1 thân: bị Công an thị trấn HHT (nay là phường HHT) xử phạt hành chính “Hành vi đánh bạc trái phép” theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 0029888/QĐ-XPVPHC ngày 28/6/2019, phạt tiền 1.500.000 đồng – đã chấp hành xong theo Biên lai thu số 001656 ngày 04/7/2019.

Bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

\* *Bị hại*: Vợ chồng ông Võ Quốc H2, sinh năm 1986 và bà Lê Thị U, sinh năm 1986; cùng cư trú tại: khu phố P3, phường HHT, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (Vắng mặt – có đơn xin vắng mặt).

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Bà Lương Thị H3, sinh năm 1966; nơi cư trú: khu phố P3, phường HHT, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (Vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào khoảng 01 giờ ngày 13/11/2020, Lê Trường S đến nhà Nguyễn Hữu H rủ H đi trộm cắp tài sản, H đồng ý. H dùng xe đạp của mẹ (*là bà Lương Thị Hồng*) chở S đến nhà bà Lê Thị U ở khu phố P3, phường HHT, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên phát hiện trong sân có 02 cây cảnh bon sai loại cây Linh Sam (*Ba Chia*). H đứng ngoài cảnh giới, S trèo qua cổng vào bên trong nhờ góc 01 cây cao 95cm, đường kính thân lớn nhất 37cm, tán cây diện (91x180) cm và bên nguyên chậu 01 cây cao 40cm, đường kính thân lớn nhất 15cm, tán cây diện (41x54)cm đưa cho H. H đập vỡ chậu lấy 01 cây bỏ trước giỏ xe, còn 01 cây H điều khiển xe đạp chở S ngồi sau ôm đem về cất giấu ở bãi đất trống gần nhà S. Hành vi trộm cắp của H và S bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Đ phát

hiện, S và H mang trả lại cho bà U 02 cây Linh Sam, riêng chậu đất bị vỡ giá trị thiệt hại không lớn nên bà U không yêu cầu bồi thường.

Tại các Bản kết luận định giá tài sản số: 49/HĐĐG ngày 13/11/2020 và số 51 ngày 03/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản thị xã Đ kết luận: 02 cây Linh Sam trị giá 12.000.000 đồng và 01 cái chậu bằng đất nung trị giá 150.000 đồng.

Vật chứng vụ án:

- 02 cây Linh Sam, sau khi tạm giữ để phục vụ điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Đ đã trao trả lại cho chủ sở hữu vợ chồng ông Võ Quốc H2, bà Lê Thị U.

- 01 xe đạp hiệu ASAMA City màu sơn xanh đã qua sử dụng, phía trước có giỏ bằng kim loại.

Tại bản cáo trạng số: 04/CT-VKS-ĐH ngày 03 tháng 01 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Đ truy tố các bị cáo Lê Trường S, Nguyễn Hữu H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

**Tại phiên tòa:**

- Các bị cáo Lê Trường S, Nguyễn Hữu H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố là đúng người, đúng tội; bị cáo Lê Trường S xin được giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Nguyễn Hữu H xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

- Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên truy tố theo Cáo trạng số: 04/CT-VKS-ĐH ngày 03 tháng 01 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Đ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Trường S từ 09 tháng đến 12 tháng tù, bị cáo Nguyễn Hữu H từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Vật chứng vụ án: trả lại 01 xe đạp hiệu ASAMA City màu sơn xanh, đã qua sử dụng, phía trước có giỏ bằng kim loại cho chủ sở hữu là bà Lương Thị H3.

Về trách nhiệm dân sự: không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo Lê Trường S, Nguyễn Hữu H và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị hại ông Võ Quốc H, bà Lê Thị U và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Lương Thị H3 đã có lời khai, có đơn xin giải quyết vắng mặt, không yêu cầu giải quyết bồi thường thiệt hại. Việc vắng mặt của bị hại ông Võ Quốc H2, bà Lê Thị U và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Lương Thị H3 không làm ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, vụ án vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về hành vi của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Trường S, Nguyễn Hữu H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp với các chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đủ căn cứ kết luận:

Vào khoảng 01 giờ ngày 13/11/2020, Lê Trường S đến nhà Nguyễn Hữu H rủ H đi trộm cắp tài sản, H đồng ý. H dùng xe đạp của mẹ (là bà Lương Thị H3) chở S đến nhà bà Lê Thị U ở khu phố P3, phường HHT, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên phát hiện trong sân có 02 cây cảnh bon sai loại cây Linh Sam (*Ba Chia*). H đứng ngoài cảnh giới, S trèo qua cổng vào bên trong nhổ gốc 01 cây cao 95cm, đường kính thân lớn nhất 37cm, tán cây diện (91x180) cm và bê nguyên chậu 01 cây cao 40cm, đường kính thân lớn nhất 15cm, tán cây diện (41x54)cm đưa cho H. H đập vỡ chậu lấy 01 cây bỏ trước giỏ xe, còn 01 cây H điều khiển xe đạp chở S ngồi sau ôm đem về cất giấu ở bãi đất trống gần nhà S. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của vợ chồng ông Võ Quốc H2, bà Lê Thị U được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương.

Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo S, H là người đủ tuổi và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đã gây ra, bản thân các bị cáo nhận thức được việc lén lút trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì lòng tham, lười lao động, muốn có tiền tiêu xài nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo Lê Trường S, Nguyễn Hữu H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng: hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm tới đến quyền sở hữu tài sản của chủ sở hữu mà pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, coi thường kỷ cương pháp luật, làm gia tăng các tệ nạn xã hội.

[5] Về nhân thân và vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công và cấu kết chặt chẽ với nhau, trong đó bị cáo S đóng vai trò chủ yếu là người khởi xướng và trực tiếp thực hành vi trộm cắp tài sản, cũng như cất giấu tài sản trộm cắp. Ngoài ra, bị cáo S đã từng có hành vi “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 2009 tại Bản án hình sự phúc thẩm số 98/2009/HSPT ngày 12/8/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên nhưng được miễn trách nhiệm là do chuyển biên

tình hình, chính sách pháp luật hình sự thay đổi nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp là coi thường kỷ cương pháp luật; và bị cáo S còn bị xử vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về “hành vi sử dụng trái phép chất ma túy” theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 0000289/QĐ-XPHC ngày 02/12/2020 của Công an thị xã Đ – đã chấp hành nộp phạt xong. Bị cáo S đã lập gia đình riêng (có vợ) nhưng bị cáo lại không lo tu chí làm ăn, không nghề nghiệp ổn định, là người nghiện ma túy, đang phải đi cai nghiện.

Bị cáo H đóng vai trò thứ yếu, hỗ trợ cho bị cáo S trong việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, là người chủ động thực hiện việc khắc phục hậu quả trả lại tài sản cho người bị hại. Về nhân thân: bị cáo H bị Công an thị trấn HHT ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 0029888/QĐ-XPVPHC ngày 28/6/2019 về “Hành vi đánh bạc trái phép”, phạt tiền 1.500.000 đồng – đã chấp hành nộp phạt xong; bị cáo H còn là người nghiện ma túy, đang phải đi cai nghiện, không nghề nghiệp ổn định, không lo tu chí làm ăn.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt các bị cáo S, H mức án tương xứng với hành vi, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo, trong đó cần xử phạt bị cáo S mức án nghiêm khắc hơn bị cáo H nhằm giáo dục các bị cáo nói riêng và góp phần răn đe, đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

[6] Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên tòa thấy rằng hoàn cảnh kinh tế các bị cáo khó khăn, nghề nghiệp và mức thu nhập không ổn định, các bị cáo không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

[7] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[7.1] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7.2] Về tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; các bị cáo đã chủ động khắc phục toàn bộ hậu quả, trả lại tài sản trộm cắp cho bị hại khi bị phát hiện; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải. Do vậy, khi lượng hình Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo nhằm giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, đồng thời cũng thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Đề nghị mức hình phạt của Kiểm sát viên là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và hậu quả của từng bị cáo gây ra, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại vợ chồng ông Võ Quốc H2, bà Lê Thị U đã nhận lại toàn bộ tài sản bị trộm cắp, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng:

[9.1] 02 cây Linh Sam, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Đ đã trao trả lại cho chủ sở hữu vợ chồng ông Võ Quốc H2, bà Lê Thị U là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử không xét.

[9.2] Trả lại 01 xe đạp hiệu ASAMA City màu sơn xanh đã qua sử dụng, phía trước có giỏ bằng kim loại cho bà Lương Thị H3.

[10] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: các bị cáo **Lê Trường S, Nguyễn Hữu H** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo **Lê Trường S 09 (chín) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Hữu H 05 (năm) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về vật chứng: Trả lại 01 xe đạp hiệu ASAMA City màu sơn xanh đã qua sử dụng, phía trước có giỏ bằng kim loại cho chủ sở hữu là bà Lương Thị H3 theo Biên bản giao, nhận chứng cứ ngày 05/3/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Đ với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

4. Về án phí: áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lê Trường S phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Hữu H phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm

5. Về quyền kháng cáo: các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại ông Võ Quốc H2, bà Lê Thị U và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Lương Thị H3 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Thị xã, Tỉnh;
- Công an thị xã Đông Hoà;
- THADS thị xã Đông Hoà;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;.
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***(Đã ký)***

**Nguyễn Hữu Duyên**